

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Nguyễn Khánh N, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 2, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh G, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố Trung Lợi, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Hoàng Nguyễn Khánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Nguyễn Khánh N và anh Đoàn Thanh G chung sống với nhau vào năm 2015 không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất hòa, không hợp nhau vì chồng chị nghiện rượu không lo làm ăn làm ảnh hưởng tới con cái, chị N có khuyên nhủ anh G rất nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Đến nay thì chị N không chịu được nữa. Nay chị N nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Hoàng A sinh ngày 02/9/2016 yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 bị đơn anh Đoàn Thanh G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu anh G và chị Hoàng Nguyễn Khánh N chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xảy ra mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh G đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Hoàng A, sinh ngày 02/9/2016. Khi ly hôn anh G đồng ý giao con cho chị N nuôi con và anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Bị đơn anh G vắng mặt do có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành có văn bản số 44/DS-VKS ngày 15/3/2019 không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Hoàng Nguyễn Khánh N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn anh Đoàn Thanh G có nơi cư trú tại khu phố Trung Lợi, thị trấn T, huyện C tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Đoàn Thanh G nhưng anh G đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Nguyễn Khánh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Khánh Ngân và anh Đoàn Thanh G chung sống với nhau vào năm 2015 không đăng ký kết hôn, chị N cho rằng trình chung sống chị N, anh G có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong sinh hoạt, kinh tế gia đình. Anh G hay nghiện rượu không lo làm ăn ảnh hưởng đến con cái nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh G vẫn không

thay đổi. Anh G cũng thống nhất với ý kiến của chị N về điều kiện chung sống và xác định vợ chồng chúng sống thường xuyên mâu thuẫn với nhau nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị N, anh G chung sống với nhau vào năm 2015 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên chị N, anh G không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó cần căn cứ vào Điều 14, điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị N, anh G là vợ chồng

{2.2} Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị N, anh G có 01 con chung tên Hoàng A sinh ngày 09/02/2016. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh G cũng thống nhất với ý kiến của chị N đồng ý giao cháu Hoàng A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

{2.4} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị N phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 51, 53, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Nguyễn Khánh N và anh Đoàn Thanh G là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên có 01 con chung tên Hoàng A sinh ngày 09/02/2018 cho chị Hoàng Nguyễn Khánh N trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Hoàng Nguyễn Khánh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009791 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh